

**KẾ HOẠCH**  
**Phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2019-2020**

Thực hiện nhiệm vụ xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo hằng năm của thị xã Bim Sơn; Công văn số 71/SGDDĐT-KHTC ngày 10/01/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thanh Hóa về việc xây dựng kế hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo năm học 2019-2020, UBND thị xã Bim Sơn xây dựng kế hoạch phát triển Giáo dục và Đào tạo năm học 2019-2020 với các nội dung như sau:

**I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ ƯỚC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2018-2019:**

**1. Thực trạng phát triển giáo dục và đào tạo của Thị xã:**

**a. Thuận lợi:**

UBND tỉnh Thanh Hóa đã quan tâm chỉ đạo việc sắp xếp trường lớp, sắp xếp, bổ sung biên chế của Ngành.

Ngành Giáo dục và Đào tạo Bim Sơn được sự quan tâm của Thị uỷ, HĐND-UBND thị xã, của các cấp, các ngành trong thị xã, sự phối hợp của các tổ chức đoàn thể chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Đã tuyển dụng được 52 viên chức mầm non. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý có tư tưởng chính trị vững vàng, tâm huyết, trình độ chuẩn và trên chuẩn đạt tỷ lệ cao đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông;

Giáo dục Bim Sơn đã đạt được những thành tích quan trọng: quy mô trường lớp phát triển; phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, TH, THCS được giữ vững, chất lượng ngày càng nâng lên; chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn tiếp tục được giữ vững; phòng học kiên cố, bàn ghế, trang thiết bị đồ dùng dạy học được tăng cường cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học.

Mạng lưới trường lớp được quan tâm quy hoạch lại, 2 trường liên cấp tại phường Phú Sơn và xã Quang Trung đi vào hoạt động nền nếp, chất lượng giáo dục đảm bảo; công tác xã hội hoá được phát huy hiệu quả.

**b. Khó khăn:**

Việc tiếp cận một số chủ trương lớn để tổ chức, thực hiện về đổi mới giáo dục và đào tạo còn nhiều hạn chế khó khăn.

Cơ sở vật chất tuy đã được tăng cường nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cho dạy và học, nhiều trường đạt chuẩn quốc gia quá thời gian đề nghị công nhận lại; nhiều phòng học xuống cấp; phòng học bộ môn, phòng chức năng, nhà hiệu bộ, thiết bị dạy học, đồ chơi cho trẻ còn thiếu nhiều và xuống cấp, ảnh

hưởng trực tiếp đến chất lượng dạy và học và đổi mới giáo dục. Một số trường mầm non có khu lè các điều kiện thiết yếu cho công tác dạy và học thiếu, khó quản lý và thiếu an toàn cho việc dạy và học; sĩ số các lớp MN, TH còn cao so với quy định.

Một bộ phận cán bộ quản lý các nhà trường năng lực quản lý, điều hành còn hạn chế trong đó có quản lý tài chính; chưa tích cực chủ động tham mưu cho cấp uỷ, chính quyền địa phương về tăng cường CSVC trường học.

Tình trạng thiếu giáo viên tiểu học, THCS vẫn chưa được giải quyết; bậc Tiểu học chưa đảm bảo đủ giáo viên để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với các trường đạt chuẩn quốc gia; THCS thiếu giáo viên nói chung và giáo viên nòng cốt, một bộ phận giáo viên chậm đổi mới phương pháp giảng dạy, đánh giá học sinh; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, quản lý còn chậm.

Một bộ phận học sinh chưa được gia đình thực sự quan tâm nên chưa chăm học còn ham chơi, hoạt động kỹ năng sống chưa được các trường triển khai đồng bộ và hiệu quả.

Công tác XHHGD trên địa bàn thị xã chưa đáp ứng được yêu cầu của giáo dục trong tình hình hiện nay.

#### **c. Quy mô trường, lớp, học sinh:**

Năm học 2018-2019, toàn Thị xã có: 27 trường và 01 TTGD TX trong đó:

+ Mầm non có 10 trường; 10/10 trường hạng 1, gồm 153 nhóm, lớp với 4409 cháu. (Có 02 trường tư thục và 12 nhóm lớp tư thục)

+ Tiểu học có 7 trường; trong đó 2 trường hạng 1; 2 trường hạng 2, còn lại 3 trường hạng 3, gồm 130 lớp với 4898 học sinh.

+ TH&THCS có 2 trường: 18 lớp TH với 611 học sinh; 8 lớp THCS với 314 học sinh.

+ THCS có 6 trường; tất cả hạng 3, gồm 71 lớp với 2784 học sinh. Tổng THCS có 79 lớp với 3098 học sinh giảm 3 lớp so với kế hoạch; tiểu học 148 lớp với 5509 học sinh tăng 266 học sinh nhưng do thiếu giáo viên và phòng học phải dồn giảm 16 lớp so với kế hoạch.

+ THPT có 2 trường, là 2 trường hạng 2, gồm 41 lớp với 1781 học sinh.

+ 01 Trung tâm giáo dục thường xuyên gồm 0 lớp với 0 học sinh.

+ Tỷ lệ đi học: mầm non ra lớp nhà trẻ đạt 40%, mẫu giáo đạt 98%, vào lớp 1, lớp 6 đạt 100%.

#### **d. Thực hiện tuyển sinh đầu cấp năm học 2018-2019.**

Từ đầu tháng 7/2018 Phòng GD&ĐT đã chỉ đạo các nhà trường triển khai công tác tuyển sinh cho năm học 2018-2019, với công tác tuyên truyền rộng rãi, khẩn trương và nghiêm túc theo các Công văn hướng dẫn của Sở GD&ĐT. Kết quả tuyển sinh đầu cấp năm học 2018-2019 như sau:

+ Tiểu học: Số học sinh 6 tuổi vào lớp 1 là 1472 em đạt 115,56%.

+ THCS: Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 là 931 Em, đạt 100%.

+ Mầm non tổng số 153 nhóm, lớp với 4409 cháu đạt 100% so với KH. Trong đó: 2 trường Tư thục có 33 nhóm, lớp với 1070 cháu.

#### **e. Chất lượng giáo dục ở các cấp học:**

Các trường học trên toàn thị chấp hành thực hiện tốt nội quy, quy chế chuyên môn, điều lệ nhà trường, có đầy đủ hồ sơ theo quy định. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học; 100% CBGV tham gia bồi dưỡng thường xuyên theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Năm học 2018-2019 công tác dạy và học ngoại ngữ trong các nhà trường đã được quan tâm, tất cả các khối lớp 3,4,5 trong toàn thị xã đều được học ngoại ngữ theo quy định.

Trong năm học 2018-2019 Phòng GD&ĐT đã triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục ở các nhà trường, theo đó các trường MN, TH, THCS trên địa bàn thị xã cập nhật tự đánh giá, báo cáo đánh giá trong tháng 5/2018. Trong năm học 2018-2019 thực trạng chất lượng giáo dục ở từng cấp học đánh giá như sau:

#### **- Giáo dục Mầm non:**

Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ. Thực hiện cân, đo theo dõi sức khỏe của các cháu định kỳ, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi còn 5.6%;

Huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường: Nhà trẻ đạt tỷ lệ 40 %; mẫu giáo đạt 98%, trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%; tỷ lệ trẻ bán trú duy trì 100%. Ngành GD chỉ đạo hoàn thành Hội thi "Bé khỏe - Bé tài năng" tại các đơn vị trường học, chuẩn bị cho Hội thi cấp thị xã và cấp tỉnh tổ chức vào tháng 2,3 năm 2019. Hoạt động tuyên truyền sâu rộng trong phụ huynh và nhân dân trên địa bàn về tạo môi trường giáo dục cho trẻ mầm non.

Tổ chức thành công Hội thi GVG cấp thị xã kết quả có 49/56 giáo viên đạt giáo viên giỏi cấp thị xã.

#### **- Giáo dục Tiểu học:**

Chỉ đạo dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, dạy học phù hợp với đối tượng học sinh. Tập trung bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý và trong dạy học. Triển khai thực hiện đánh giá học sinh Tiểu học theo Thông tư 22/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tiếp tục thực hiện tốt đề án dạy học Tiếng Anh ở tiểu học đã tiếp nhận 7 giáo viên dạy Tiếng Anh đáp ứng cơ cấu bộ môn.

*Duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng PCGDTH, 8/8 đơn vị đạt PCGDTH mức độ 3. Huy động 99,9% trẻ 6 tuổi vào lớp 1. Chất lượng giáo dục được duy trì, cụ thể, kết quả học tập: loại tốt 47,5%, Đạt 49,2%, cần cố gắng*

3,3%; Năng lực: đạt tốt 54,7%, đạt 42,3%, cần cố gắng 3,1%; Phẩm chất đạt tốt: 67,8%, đạt 31,7%, cần cố gắng 0,5%.

#### **- Giáo dục THCS và THPT:**

Chỉ đạo các trường học thực hiện chương trình và kế hoạch thời gian đối với bậc học theo Quyết định của Bộ GD&ĐT; Tập trung đổi mới phương pháp dạy học tích hợp với dạy phân hoá; chú trọng dạy học theo chuân kiến thức, kỹ năng, dục đạo đức, phát hiện kịp thời học sinh giỏi, học sinh yếu kém để bồi dưỡng giúp đỡ.

Các trường học đã tổ chức có hiệu quả giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông cho học sinh lớp 8. Trong kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp thị xã có 225 em dự thi, kết quả có 138 em đạt giải với 7 giải nhất, 12 giải nhì, 38 giải ba và 81 giải khuyến khích; Tuyển chọn 9 đội tuyển, trường THCS Lê Quý Đôn đang tích cực bồi dưỡng để các em dự thi HSG cấp tỉnh vào tháng 3.2019. Kết quả chất lượng Giáo dục đại trà THCS: *tổng số HS toàn thị xã 3088: Xếp loại Hạnh kiểm: Loại tốt có 2468 HS = 79,9%; Loại khá có 563 HS = 18,2%; Loại TB có 55 HS = 1,8%, còn 02 HS xếp loại hạnh kiểm yếu chiếm 0,1%0; Xếp loại Học lực: Giỏi 769 HS = 24,9%, khá 1225 = 39,7%, TB 888 HS = 28,8%, yếu kém còn 206 HS = 6,7%.*

#### **g. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giáo viên:**

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên công lập (Gồm MN, TH, THCS, TTGD TX) toàn Thị xã có 621 cán bộ, Giáo viên, nhân viên trong đó có 100% đạt chuẩn, trên chuẩn 70%;

+ Mầm non có 225 người, trong đó biên chế 199, HĐ 60 là 26 người.

+ Tiểu học (TH) có 224 cán bộ, GV, nhân viên trong đó biên chế là 203 còn lại là hợp đồng thị xã 21 người.

+ THCS có 166 cán bộ, GV, nhân viên, trong đó biên chế 162, hợp đồng thị xã 4 người.

+ TTGD TX có 06 cán bộ, GV, nhân viên, biên chế 5; hợp đồng 01.

Rà soát, sắp xếp trường, lớp, đội ngũ giáo viên theo quy định của UBND tỉnh và chủ trương của Bộ Chính trị; Chất lượng cán bộ, giáo viên nhìn chung đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông, đa số tận tụy với nghề, có tâm huyết, có nhiều sáng kiến kinh nghiệm cấp thị, cấp tỉnh được phổ biến áp dụng; có trên 90 % giáo viên thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin vào dạy học và quản lý.

Hiện nay, bậc Mầm non còn thiếu 14 so với nhu cầu; Bậc tiểu học còn thiếu 84 người so với nhu cầu, hiện thị xã tiếp tục ký lại hợp đồng 21 người và hợp đồng công việc 5 người; Bậc THCS thiếu 19 người so với nhu cầu, hiện tại UBND thị xã biệt phái 3 từ TTGD TX về, hợp đồng 4 người và hợp đồng công việc 12 người.

#### **h. Đẩy mạnh đổi mới công tác quản lý tài chính:**

- Công tác quản lý tài chính:

Phòng Tài chính KH và Phòng GD&ĐT phối hợp tham mưu cho UBND thị xã cấp nguồn ngân sách cho ngành, các nhà trường đảm bảo chi lương và các hoạt động kịp thời. Hàng năm có theo dõi, hướng dẫn thu, chi thanh quyết toán theo quy định đảm bảo chế độ nhà nước. Công tác huy động các nguồn tài chính luôn thực hiện theo đúng các công văn hướng dẫn của cấp trên.

- Thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh:

UBND thị xã đã và đang chi trả đầy đủ, kịp thời và đúng chế độ cho học sinh thuộc đối tượng gia đình chính sách, thuộc hộ nghèo, cận nghèo...theo Thông tư số 09/2016/TTLT - BGDĐT - BTC - BLĐTBXHII ngày 30/03/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021.

**i. Tình hình thu chi ngân sách:** Công tác xây dựng dự toán thu ,chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm 2019 dựa trên cơ sở hệ thống tiêu chí và định mức phân bổ NSNN hiện hành, trong đó dự toán chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương theo đúng các chế độ đã ban hành trước thời điểm lập dự toán và chủ động dự kiến đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ chính sách đối với giáo dục và đào tạo đã ban hành. Trên cơ sở định mức trên, bảo đảm tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương ( bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) 71.5 tỷ đồng tối đa 90%, chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương tối thiểu 10% đạt 7.4tỷ đồng dành chi nghiệp vụ.

- Trong điều kiện ngân sách hiện có lập dự toán chi thường xuyên đúng tính chất nguồn kinh phí, tiết kiệm, đặc biệt là dự toán chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền, hạn chế tối đa về số lượng và quy mô tổ chức hội nghị, hội thảo, tổng kết và các nhiệm vụ không cần thiết, cấp bách khác.

- Xã hội hóa giáo dục trong năm học, ngành Giáo dục và Đào tạo thị xã đã huy động Xã hội hóa giáo dục ước được 2.3 tỷ đồng để xây dựng, sửa chữa và mua sắm CSVC trường học.

#### **k. Kết quả thực hiện xây dựng, bổ sung CSVC trường học:**

Trong năm học 2018-2019 đưa vào sử dụng 2 ngôi trường mới THCS và TH Bắc Sơn, nhà Hiệu bộ cho THCS Xi Măng, 2 phòng học TH Ngọc Trạo; xây dựng nhà hiệu bộ TH&THCS Quang Trung, TH Lam Sơn 3.

Mầm non: 10 trường có 117 phòng học với 101 phòng kiên cố, còn 16 phòng bán kiên cố, đáp ứng 77,5% nhu cầu. Hiện nay còn 4 trường còn có khu lể; 10/10 trường có bếp, nhà chia thức ăn; hầu hết các trường chưa có phòng chức năng.

Tiểu học: Có 140 phòng học trong đó có 133 phòng kiên cố và 7 phòng bán kiên cố, tất cả các trường phòng thư viện và phòng để đồ dùng dạy học chưa tách riêng, có 4 trường có phòng học tin học với 66 máy, bàn ghế chuẩn đạt 90% nhu cầu. Có 4 trường có nhà hiệu bộ, có 7 trường có nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn, hiện có 01 trường có 1 khu lẻ (TH Bắc Sơn).

THCS: Có 90 phòng học kiên cố đạt 100% nhu cầu (Do không đồng đều ở các trường), hiện có 16 phòng học bộ môn đạt 90% nhu cầu, có 4 trường có phòng thư viện và phòng để đồ dùng dạy học chưa tách riêng, 100% các trường có phòng học tin học 132 máy, bàn ghế chuẩn đạt 100% nhu cầu. Có 6 trường có nhà hiệu bộ, có 6 trường có nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn.

Toàn thị xã có 21 trường chuẩn quốc gia, chiếm 77,7%; gồm 01 trường THPT, 05 trường THCS, 06 trường TH và 09 trường mầm non; trong đó có 02 trường mầm non và 01 trường tiểu học được công nhận chuẩn mức độ 2.

## **2. Nhận định tổng quát về thực trạng.**

### **2.1. Thực trạng năm học 2018-2019:**

Năm học 2018-2019, với thực trạng phát triển giáo dục của Thị xã, toàn ngành quyết tâm thực hiện kế hoạch như đã đặt ra; 100% các trường học tiếp tục thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 8 khóa XI. 100% CBGV trong ngành thực hiện tốt chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước và của địa phương. 100% các đơn vị phường xã trên địa bàn đạt chuẩn phổ cập THCS, phổ cập TH đúng độ tuổi và phổ cập cho trẻ Mầm non 5 tuổi. Chất lượng giáo dục được nâng lên, kết quả thi học sinh giỏi cấp thị đạt yêu cầu; thi giáo viên giỏi cấp trường, cấp thị đạt kết quả tốt; đã bổ sung được giáo viên và cơ sở vật chất. Thị xã duy trì hoạt động hiệu quả 8/8 trung tâm học tập cộng đồng, các trung tâm đã từng bước giải quyết cơ bản nhu cầu học tập về nhiều lĩnh vực của nhân dân và người lao động.

Các nhà trường đã triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ năm học, tổ chức thi HSG lớp 9.

### **2.2. Những mặt hạn chế, yếu kém:**

Công tác triển khai nhiệm vụ năm học ở một số đơn vị trường học chưa thật sự đổi mới, xác định nhiệm vụ năm học ở đơn vị còn thiếu các giải pháp cụ thể phù hợp với đơn vị; chất lượng giáo dục mũi nhọn còn hạn chế.

Việc đổi mới phương pháp, ứng dụng CNTT, sử dụng đồ dùng, phương tiện dạy học của một số nhà trường chưa tích cực, chưa phù hợp; hoạt động của các tổ, nhóm chuyên môn, giúp đỡ, hướng dẫn giáo viên mới ở một số đơn vị trường học chưa thường xuyên.

Công tác quản lý của một số trường học còn hạn chế, chậm đổi mới; công tác nắm bắt tình hình, chỉ đạo còn thiếu nhạy bén, còn thiếu dân chủ trong bình xét

thi đua, sai phạm trong phân công chuyên môn, bổ nhiệm quản lý tổ chuyên môn, chế độ chính sách CBGV; kiểm tra nội bộ còn có đơn vị chưa thường xuyên.

Quy hoạch khuôn viên nhà trường theo hướng xanh, sạch, đẹp ở một số trường học chưa cụ thể; kinh phí chi thường xuyên thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu; cơ sở vật chất, các điều kiện phục vụ dạy chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiều phòng học hiện xuống cấp nghiêm trọng; những trường đạt Chuẩn Quốc gia chưa được quan tâm đúng mức về xây dựng CSVG; hiện nay còn thiếu khoảng 44 phòng học và ít nhất 24 phòng học bộ môn (chủ yếu tiểu học và mầm non) so với kế hoạch, một số trường thiếu nhà hiệu bộ;

Việc bố trí đội ngũ giáo viên đầu năm học còn nhiều bất cập do thiếu giáo viên đứng lớp nhất là tiểu học và THCS; chưa thực hiện được học 2 buổi/ngày ở tiểu học, đa số trường tiểu học, mầm non sĩ số học sinh cao quá quy định do thiếu phòng học và thiếu giáo viên.

Việc thu, quản lý, sử dụng nguồn huy động đóng góp của phụ huynh học sinh của một số nhà trường chưa đúng quy định, nhất là phương pháp cách thức huy động mức thu, còn lập quỹ lớp và dồn các khoản thu.

### **2.3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế.**

*- Nguyên nhân khách quan:*

Trong tình hình hội nhập quốc tế ngày nay, sự giao thoa giữa các nền văn hoá ngày càng được mở rộng. Các ấn phẩm văn hoá, kể cả văn hoá phẩm đồi trụy bằng nhiều con đường du nhập vào Việt Nam, nó là sự tiêm nhiễm vào nhận thức của các em, lâu dần trở thành thói quen.

Số lớp số học sinh tăng nhưng số lượng phòng học chưa đáp ứng được; giáo viên dạy chưa được tinh giao bổ sung.

*- Nguyên nhân chủ quan:*

+ Chưa giải quyết dứt điểm tình trạng thừa thiếu giáo viên, nhân viên hành chính.

+ Sự phối hợp lực lượng xã hội trong giáo dục học sinh chưa được thường xuyên;

+ Các Đoàn thể trong trường phối hợp giáo dục đạo đức học sinh có lúc chưa tốt; một số giáo viên chủ nhiệm chưa quan tâm nhiều đến học sinh.

+ Đa số phụ huynh không muốn cho con mình tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi các môn như: GDCD, Địa lý, Lịch sử, Sinh học, thể dục thể thao.

+ Đội ngũ giáo viên có năng lực bồi dưỡng học sinh giỏi THCS hiện nay còn hạn chế.

## **II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2019-2020:**

### **1. Nội dung kế hoạch phát triển giáo dục năm học 2019-2020**

#### **1.1. Mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch:**

1.1. Cùng cố phổ cập giáo dục Mầm non mẫu giáo 5 tuổi; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyển sinh đầu cấp, nâng cao chất lượng đại trà, duy trì sĩ số, duy trì kết quả xóa mù chữ và PCGDTH đúng độ tuổi; cùng cố, nâng cao kết quả phổ cập giáo dục THCS.

1.2. Tiếp tục tham mưu tăng cường xây dựng cơ sở vật chất (chú trọng xây dựng nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn, phòng học chức năng), tăng cường mua sắm thêm trang thiết bị, đồ dùng dạy học theo hướng trường đạt chuẩn Quốc gia. Xây dựng thêm 01 trường chuẩn quốc gia; Duy trì trường THCS Lê Quý Đôn là trường chất lượng cao của thị xã, đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh những năm tới.

1.3. Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ nhà giáo và CBQL. Từng bước xây dựng đội ngũ giáo viên đúng lớp đảm bảo hợp lý về cơ cấu, trình độ; kết hợp bồi dưỡng chuyên môn với nghiệp vụ; có năng lực, trình độ, tâm huyết thực sự với nghề.

1.4. Tăng cường công tác đổi mới phương pháp dạy học; chú trọng công tác Nghiên cứu khoa học và đúc rút SKKN giáo dục. Nâng cao hiệu quả, chất lượng GD, chú trọng việc giáo dục đạo đức học sinh; phát hiện kịp thời để bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu. Nâng cao chất lượng dạy-học Ngoại ngữ, Tin học cho CBGV học sinh Tiểu học và THCS.

1.5. Xây dựng hệ thống mạng thông tin giáo dục hợp nhất toàn ngành. Tăng cường bồi dưỡng nguồn nhân lực khai thác, sử dụng ứng dụng CNTT trong toàn ngành.

1.6. Nâng cao chất lượng và duy trì 100% số lượng bán trú Mầm non; quản lý chất lượng dịch vụ giữ trẻ, tổ chức hoạt động vui chơi và tạo điều kiện cho học sinh Tiểu học được ở trường cả ngày. Hỗ trợ giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh con hộ nghèo, học sinh 2 xã nông nghiệp. Tăng cường điều kiện hỗ trợ giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật.

1.7. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tạo sự đồng thuận cao trong việc huy động nguồn lực để xây dựng CSVN trường học; thành lập mới 1 trường mầm non tư thục.

## **2. Nhiệm vụ chủ yếu năm học 2019-2020:**

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI); Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thị xã khóa X (2015-2020); Thực hiện nhiệm vụ năm học 2019-2020 của Sở GD&ĐT, Ngành Giáo dục và đào tạo Bim Sơn tiếp tục phát huy những mặt đã đạt được trong năm học vừa qua, chú trọng đến các công tác: Quản lý giáo dục và đào tạo, tổ chức các hoạt động giáo dục, phát triển đội ngũ nhà giáo và CBQLGD, tăng cường nguồn lực đầu tư và đổi mới cơ chế tài chính



giáo dục, cụ thể:

### *2.1. Giáo dục Mầm non*

Giữ vững 100% các xã phường được công nhận phổ cập giáo dục Mầm non 5 tuổi của Thị xã (8/8 xã, phường). Tiếp tục triển khai, thực hiện bộ chuẩn giáo dục Mầm non. Tăng cường quản lý 02 trường MN và các cơ sở giáo dục Mầm non tư thục; phổ biến kiến thức nuôi dạy trẻ cho cộng đồng; nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới 6 %; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, công tác xã hội hoá giáo dục để huy động các nguồn lực, sự tham gia của cha mẹ chăm lo cho giáo dục Mầm non.

#### *\* Đối với giáo dục phổ thông*

Thực hiện tích hợp, phân hóa phù hợp đặc trưng nội dung môn học và các hoạt động giáo dục; tích hợp giáo dục đạo đức, học tập và làm theo tác phong đạo đức Hồ Chí Minh, giáo dục pháp luật, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên trong một số môn học theo hướng dẫn riêng của Bộ.

Thực hiện có hiệu quả việc đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá học sinh; tiếp tục triển khai dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng phù hợp với từng đối tượng học sinh.

Tiếp tục tổ chức tự đánh giá tất cả các trường MN, Tiểu học, THCS, THPT để đề nghị Sở GD&ĐT đánh giá ngoài theo thông tư 17,18,19..và công nhận các trường đạt chuẩn chất lượng giáo dục. Sử dụng có hiệu quả thiết bị dạy học; tổ chức giới thiệu điển hình đổi mới phương pháp dạy học.

Thực hiện có hiệu quả Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 - 2020" được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Kế hoạch 606/2011 của UBND thị xã Bim Sơn; Tăng cường chất lượng đội ngũ trường Lê Quý Đôn tạo bước chuyển biến trong công tác phát hiện, bồi dưỡng học sinh giỏi. Tiếp tục giáo dục cho học sinh những kiến thức về bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, ứng phó biến đổi khí hậu, vệ sinh an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục thông qua các môn học và hoạt động giáo dục.

#### *2.2. Đối với giáo dục thường xuyên:*

Thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề phổ thông, dạy văn hoá của TTGDTX Bim Sơn, tạo mọi điều kiện cho học viên học nghề được học văn hóa và ngược lại.

Tiếp tục chỉ đạo các xã, phường củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của TTHTCĐ củng cố vững chắc kết quả chống mù chữ- phổ cập giáo dục Tiểu học.

Nâng cao hiệu quả, trách nhiệm của cán bộ TTHTCĐ phường, xã; chỉ đạo xây dựng kế hoạch công tác của các TTHTCĐ.

\* Trong năm học 2019-2020 quy mô trường lớp trên địa bàn thị xã MN có

153 nhóm lớp với 4241 cháu (công lập 118 nhóm lớp); TH có 185 lớp với 5943 HS trong đó 100% lớp 2 buổi/ngày và tăng buổi; THCS có 85 lớp với 3287 HS; THPT có 43 lớp với 1816 HS. So với năm 2018-2019 có sự chuyển biến, số học sinh ở các cấp học từ MN đến THPT tăng khoảng 1045 học sinh (MN: 180; TH: 484; THCS: 289; THPT: 92).

### 2.3. Các mục tiêu cụ thể.

*a. Mục tiêu 1: Thực hiện công bằng xã hội trong GD&ĐT, tạo cơ hội học tập ngày càng tốt hơn cho con em các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là các vùng khó khăn:*

- Cùng cố hoàn thiện Quy hoạch mạng lưới trường lớp ở xã Quang Trung và phường Phú Sơn; thực hiện đầu tư xây dựng bổ sung phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng, nhà hiệu bộ.

- Tăng cường mua sắm bàn ghế chuẩn, thiết bị dạy học, đồ chơi cho trẻ và tăng nhanh máy chiếu đa năng, máy tính để ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, bố trí đủ giáo viên theo cơ cấu môn.

- Chăm lo đối tượng học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, có chính sách hỗ trợ học sinh khó khăn.

- Phân đầu tỷ lệ 15% trẻ khuyết tật vào nhà trẻ, 75% trẻ khuyết tật lứa tuổi mẫu giáo được nhập học; 75% trong lứa tuổi 6-14 được hoà nhập ở tiểu học và 37% năm 2018 ở THCS. 100% học sinh gia đình chính sách, học sinh có hoàn cảnh khó khăn được đến trường.

+ Giải pháp thực hiện:

Phòng giáo dục tiếp tục tham mưu cho Thị uỷ, HĐND&UBND trong việc chăm lo xây dựng đội ngũ; đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất trường học, chính sách tài chính giáo dục để đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

*b. Mục tiêu 2: Tăng tỷ lệ huy động trẻ, phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi; tỷ lệ học sinh nhập học đúng độ tuổi bậc tiểu học, THCS:*

Nâng tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp, học bán trú; duy trì tỷ lệ trẻ mẫu giáo ra lớp đạt cao; duy trì tỷ lệ tuyển sinh 100% vào lớp 1 và lớp 6; nâng tỷ lệ học sinh tiểu học học bán trú; giảm tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban ở TH và THCS.

- Mầm non: Tỷ lệ huy động các cháu nhà trẻ (0-2 tuổi) đạt 40%, từ 3-5 tuổi đạt 95%; huy động trẻ 5 tuổi ra lớp 100%. Duy trì tỷ lệ bán trú đạt 100%.

- Tiểu học: Tỷ lệ nhập học lớp 1 (6tuổi) đạt 100% (Dự kiến 40 lớp với 1274 học sinh), tỷ lệ trẻ 6-10 tuổi ra lớp đạt 100%, có 07 trường có học sinh bán trú.

- THCS: Tỷ lệ huy động học sinh hoàn thành chương trình TH vào lớp 6 đạt 100% (dự kiến 24 lớp với 989 học sinh), tỷ lệ học sinh THCS từ 11-14 tuổi ra lớp đạt 99%.

- THPT: Dự kiến tuyển sinh vào lớp 10 là 15 lớp, trong đó THPT Bim Sơn

là 8 lớp với 336 HS, THPT Lê Hồng Phong 7 lớp với 294HS.

- Giảm tỷ lệ học sinh lưu ban các khối lớp Tiểu học bình quân 0.5%; THCS mức 1%.

+ Giải pháp thực hiện:

Phòng GD&ĐT chỉ đạo các trường MN, TH, THCS tích cực phối hợp với các địa phương thực hiện điều tra, cập nhật, hoàn thành trong tháng 8-9 hàng năm và thường xuyên bổ sung cập nhật trong cả năm học 2019-2020.

UBND thị xã chỉ đạo các phòng ban liên quan, đảm bảo nguồn lực tài chính: Nguồn kinh phí phổ cập, XMC quốc gia; Huy động nguồn hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp giáo dục, nguồn hỗ trợ đóng góp của địa phương.

*c. Mục tiêu 3: Nâng cao chất lượng dạy - học; trình độ chuẩn giáo viên:*

\* Nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng mũi nhọn.

- Giáo dục Mầm non: Đến hết năm học 2019-2020 có từ 87% trẻ 5 tuổi đạt chuẩn phát triển, tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng Mầm non xuống còn dưới 6 %; 100% các trường Mầm non thực hiện bộ chuẩn chương trình GDMN; giáo dục phát triển vận động.

- Giáo dục phổ thông:

Tỷ lệ lên lớp bình quân toàn cấp Tiểu học tăng thêm 0.2%, cấp THCS đạt 98% trở lên. Tỷ lệ học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình Tiểu học hàng năm 100% và HS lớp 9 tốt nghiệp THCS đạt 98% trở lên, Tốt nghiệp THPT đạt 98% trở lên, bổ túc THPT đạt 90% trở lên.

Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu tiếp tục duy trì, củng cố, nâng cao và tất cả các cuộc thi được xếp trong top 10 của Tỉnh.

Đảm bảo 100% học sinh Tiểu học khối 3,4, 5 học Tiếng Anh bắt buộc, các trường có điều kiện tổ chức dạy tiếng anh cho khối 1,2 đạt 80%; tất cả các trường có phòng máy tính đều tổ chức dạy Tin học tự chọn cho học sinh. 100% học sinh lớp 9 được học chương trình hướng nghiệp, các trường phân luồng cho học sinh sau tốt nghiệp THCS

+ Giải pháp thực hiện:

Tiếp tục chỉ đạo công tác đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực tự giác, chủ động sáng tạo của người học, biến quá trình học tập thành quá trình tự học có hướng dẫn và quản lý của giáo viên.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm định kỳ 1 lần/tháng các môn ngoại ngữ, mỹ thuật, nhạc, thể dục TH, THCS. Nội dung tập trung thảo luận, áp dụng đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá kết quả học tập học sinh. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy học thông qua hội thi, bài giảng trình chiếu. Hội thảo đánh giá hiệu quả của dạy học có sử dụng giáo án điện tử và trình chiếu trong trường phổ thông. Tăng cường công tác Kiểm tra về đổi mới PPDH và công tác đánh giá giáo viên.

Tiếp tục triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục ở các nhà trường, công khai kết quả kiểm định trên mạng giáo dục.

Chỉ đạo các nhà trường tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực để tạo môi trường giáo dục lành mạnh, tạo môi trường học tập tốt nhất cho các em học sinh.

Phòng GD&ĐT tăng cường chỉ đạo công tác phát hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu theo lộ trình lâu dài nhiều năm, năm trước sẽ chọn đội dự tuyển cho khối lớp của năm học tiếp theo.

- Tổ chức các Hội thi GVG cho các cấp học TH, THCS; thi HSG các môn văn hóa lớp 9 cấp Thị; tổ chức có hiệu quả kỳ thi OLYMPIC THCS cho lớp 8; chuẩn bị các điều kiện để tổ chức Hội khỏe Phù Đổng các cấp năm 2020; giao lưu các câu lạc bộ, giáo dục kỹ năng sống bậc tiểu học; tham gia thi HSG, giao lưu do tỉnh tổ chức...Tạo động lực trong công tác bồi dưỡng thành tích cao cũng như có cơ sở thực tiễn để đánh giá chất lượng, đánh giá thi đua các nhà trường.

\* Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên:

- Nhu cầu giáo viên MN, TH, THCS công lập trong năm học 2019-2020 cần 746 biên chế, biên chế được giao 590 (có 26 HĐ60); nhu cầu còn thiếu so với tỉnh giao 156 người, cụ thể: nhu cầu bậc mầm non 238 biên chế (118 nhóm lớp công lập), còn thiếu 13 biên chế; tiểu học cần 319 biên chế còn thiếu 116 biên chế (185 lớp có 100% lớp 2b/ngày và học tăng buổi), THCS cần 189 thiếu 27 biên chế (85 lớp).

-Tỷ lệ giáo viên có trình độ chuẩn, trên chuẩn đến hết năm 2019:

+ Mầm non: Có thêm 10 giáo viên có trình độ trên chuẩn.

+ Tiểu học: Có thêm 03 giáo viên có trình độ từ Đại học trở lên. Tỷ lệ giáo viên có trình độ Cao đẳng trở lên đạt 93%.

+ THCS: Có thêm 03 giáo viên có trình độ từ Đại học trở lên. Tỷ lệ giáo viên có trình độ Cao đẳng trở lên đạt 100%, trong đó đại học đạt 65%.

- Giáo viên giỏi, chiến sĩ thi đua (CSTĐ) các cấp:

+ Phần đầu bậc Mầm non: Có 25 CBGV đạt CSTĐ cơ sở; Tiểu học: có 25 CBGV đạt CSTĐ cơ sở; THCS: có 20 CBGV đạt CSTĐ cơ sở; TT GDTX: Có 01 CSTĐ cơ sở; toàn ngành có 3 CSTĐ cấp tỉnh.

*d. Mục tiêu 4: Tăng cường năng lực quản lý giáo dục:*

- Nâng cao năng lực đội ngũ quản lý trường học.

100% CBQL có bằng chuyên môn từ Đại học trở lên, có trình độ trung cấp lý luận chính trị; 100% CBQL các trường học có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và tham gia cập nhật kiến thức CBQL.

- Giải pháp thực hiện:

Thông kê đội ngũ CBQL nhà trường văn bằng, chứng chỉ công tác quản lý giáo dục. Lập danh sách, cử cán bộ quản lý đi học bồi dưỡng nghiệp vụ QL trường

học theo chương trình Bồi dưỡng CBQLGD 3,5 tháng và cập nhật kiến thức QL.

UBND thị xã có chủ trương chính sách luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại CBQL trường học, đảm bảo chuẩn CBQL phải có trình độ 100% đại học; chứng chỉ quản lý 3,5 tháng.

Mở các lớp tập huấn về phần mềm tin học mới về QLCLGD, Kiểm Định CLGD cho CBQL nhà trường trong năm học 2019-2020.

Tất cả cán bộ quản lý trường học được tham gia các chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý chỉ đạo chuyên môn; tự đánh giá chất lượng giáo dục.

Chỉ đạo cho CBCV, chuyên viên phòng GD&ĐT tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ do Sở GD&ĐT tổ chức.

*e. Mục tiêu 5: Phát triển mạng lưới trường, lớp và tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục; nâng cao tỷ lệ trường chuẩn quốc gia:*

- Giữ quy mô trường lớp, thực hiện tốt hoạt động trường liên cấp 1+2 tại phường Phú Sơn và xã Quang Trung (10 trường mầm non, 7 trường tiểu học, 6 trường THCS, 02 trường liên cấp TH&THCS; 02 trường THPT và 01 TTGDTX). Nâng cao chất lượng trường đạt Chuẩn quốc gia (CQG).

+ Giải pháp thực hiện:

\* Công tác xây dựng trường CQG:

Phòng GD&ĐT tham mưu cho UBND thị xã kiện toàn BCD xây dựng trường CQG từ cấp thị xã đến cơ sở và phân công cán bộ chỉ đạo cụ thể từng cấp học, từng đơn vị.

Xây dựng kế hoạch chỉ đạo trọng điểm, Chỉ đạo xây dựng trường học đạt CQG đến 2019 đặc biệt tập trung hoàn thành XDCQG tại TH&THCS Quang Trung; Rà soát chỉ đạo các trường thực hiện kiểm định, đánh giá ngoài và công nhận chuẩn quốc gia theo TT17,18,19.

Phòng GD&ĐT tham mưu cho UBND thị xã ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng trường CQG các mức độ, xây dựng phòng học còn thiếu; có chính sách bổ sung, sắp xếp đội ngũ CBGV hợp lý, đủ cơ cấu.

- Phòng GD&ĐT chỉ đạo Trung tâm GDTX xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo QĐ 01/2007/QĐ-BĐĐT ban hành Quy chế hoạt động của trung tâm GDTX tập trung thêm một số công tác: bồi dưỡng giáo viên, tham gia giảng dạy và các hoạt động ở các TTHTCD xã, phường hoặc biệt phái về dạy các trường THCS thiếu giáo viên.

- Nhu cầu năm 2019-2020 bậc Mầm non cần thêm 34 phòng học( công lập 19 phòng); Tiểu học 45 phòng học và THCS 18 phòng học bộ môn; cả 3 cấp học cần thêm 8 nhà hiệu bộ và cải tạo và nâng cấp các phòng học xuống cấp, tăng cường CSVC thiết bị đồ chơi, đầu tư trang thiết bị cho 02 trường liên cấp TH & THCS tại Phú Sơn và xã Quang Trung.

## **2.4. Kế hoạch tài chính:**

Trên cơ sở kế hoạch phát triển giáo dục, đào tạo năm học 2019 - 2020 và các định mức, chế độ, chính sách hiện hành; Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với phòng Tài chính - Kế hoạch đề hướng dẫn thực hiện dự toán được giao năm 2019 .

### **III. CÁC KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT:**

#### **1. Kiến nghị, đề xuất với Sở Giáo dục và Đào tạo:**

Đề nghị Sở GD&ĐT phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu với UBND Tỉnh bổ sung biên chế giáo viên đáp ứng tình hình biên chế thực tế hiện nay.

#### **2. Kiến nghị, đề xuất với UBND tỉnh**

2.1. Giao biên chế cho từng cấp học theo định mức tại Quyết định số 3185/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

2.2. Cho phép UBND thị xã Bim Sơn được Hợp đồng giáo viên còn thiếu thực tế so với biên chế được giao, và được UBND tỉnh cấp kinh phí như chính sách hợp đồng theo Nghị định 06/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

2.3. Hỗ trợ kinh phí để xây dựng phòng học còn thiếu ở 3 cấp học MN, TH và THCS.

#### **Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT (để b/c);
- Phòng TC-KH Sở GD&ĐT (để b/c);
- TT, Thị uỷ, HĐND-UBND (để b/c);
- UBND các xã, phường (để thực hiện);
- Các phòng, ban (để thực hiện);
- Lưu: VP.



**Mai Đình Lâm**

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẮC MẠM NON NĂM HỌC 2018-2019

TT	Trường mầm non	Trẻ em đạt chuẩn QG	Điểm trung bình	Nhóm trẻ			Lớp mẫu giáo			Trẻ em nhà trẻ			Trẻ em mẫu giáo			Số phòng học đang sử dụng	Kiện cố						
				TS nhóm, lớp	Tổng số nhóm trẻ		Tổng số lớp mẫu giáo	Tổng số trẻ nhà trẻ		Tổng số trẻ mẫu giáo	Chưa ra		Chưa ra										
					Trong tổng số	không bán trú		Chưa ra	Học 2 buổi/ ngày		Học 2 buổi/ ngày	bán trú (ăn trưa)	Tổng số trẻ mẫu giáo	Dân tộc	MGG 5 tuổi			Học 2 buổi/ ngày	bán trú (ăn trưa)				
A	B	C	D	$I=2+$ 5	$2=3+$ 4	3	4	$5=6+7$ 107	6	7	8	$9=10+14$ 4023	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng cộng:	9	16	141	34	34	0	107	107	0	40	766	766	766	3257	0	1286	3257	3257	3257	117	101	
1	Quang Trung	1	2	10	2	2	0	8	8	0	4	260	35	0	35	35	225	0	88	225	225	8	6
2	MN Bắc Sơn	1	4	18	4	4	0	14	14	0	4	500	80	0	80	80	420	0	164	420	420	17	11
3	MN Ba Đình	1	1	18	5	5	0	13	13	0	8	519	105	0	105	105	414	0	246	414	414	12	12
4	MN Lâm Sơn		2	9	2	2	0	7	7	0	2	222	37	0	37	37	185	0	64	185	185	9	7
5	MN Đông Sơn	1	2	15	3	3	0	12	12	0	4	415	65	0	65	65	350	0	127	350	350	10	6
6	MN Xi Măng	1	1	17	5	5	0	12	12	0	4	430	74	0	74	74	356	0	134	356	356	12	12
7	MN Phú Sơn	1	1	11	2	2	0	9	9	0	4	360	70	0	70	70	290	0	125	290	290	9	9
8	MN Hà Lan	1	1	10	3	3	0	7	7	0	2	247	47	0	47	47	200	0	66	200	200	8	8
	Tổng công lập	7	14	108	26	26	0	82	82	0	32	2953	513	0	513	513	2440	0	1014	2440	2440	85	71
9	MN Ngọc Trạo	1	1	18	5	5	0	13	13	0	5	660	170	0	170	170	490	0	187	490	490	18	16
10	MN Bé Ngọn	1	1	15	3	3	0	12	12	0	3	410	83	0	83	83	327	0	85	327	327	14	14

NGƯỜI LẬP

Bim Sơn, Ngày 16 tháng 6 năm 2019  
TRƯƠNG PHONG

Lê Thanh Sơn

Phạm Xuân Duy

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CẤP MẦM NON NĂM HỌC 2019-2020**

TT	Trường mầm non	Trường đại chúng QG	Điểm trường	Nhóm, lớp										Số phòng học đang sử dụng	Kiện cố								
				TS nhóm, lớp		Nhóm trẻ		Lớp mẫu giáo		Trẻ em nhà trẻ		Trẻ em											
				Tổng số nhóm trẻ	Trong tổng số bán trú (án trưa)	Không bán trú	Tổng số lớp mẫu giáo	Trong tổng số bán trú (án trưa)	không bán trú	Lớp Mẫu giáo 5 tuổi	Tổng số trẻ nhà trẻ	Dân tộc	Chưa ra Học 2 buổi/ngày			bán trú (án trưa)	Tổng số trẻ mẫu giáo	Dân tộc	MG 5 tuổi	Chưa ra Học 2 buổi/ngày	bán trú (án trưa)	Tổng số	
4	B	C	D	$1=2+5$	$2=3-4$	3	4	$5=6+7$	6	7	8	$9-10+1$	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	Tổng cộng:	9	16	153	38	38	0	115	115	0	39	4241	848	0	848	848	3393	0	1249	3393	3393	133	117
1	Quang Trung	1	2	11	2	2	0	9	9	0	3	260	35	0	35	35	225	0	85	225	225	8	6
2	MN Bắc Sơn	1	4	20	5	5	0	15	15	0	4	501	90	0	90	90	411	0	162	411	411	17	11
3	MN Ba Đình	1	1	20	5	5	0	15	15	0	7	600	120	0	120	120	480	0	242	480	480	20	18
4	MN Lam Sơn		2	9	2	2	0	7	7	0	2	210	23	0	23	23	187	0	62	187	187	9	7
5	MN Đông Sơn	1	2	15	3	3	0	12	12	0	4	420	60	0	60	60	360	0	125	360	360	12	8
6	MN Xi Măng	1	1	19	5	5	0	14	14	0	4	460	110	0	110	110	350	0	130	350	350	14	14
7	MN Phú Sơn	1	1	13	3	3	0	10	10	0	4	360	70	0	70	70	290	0	120	290	290	10	10
8	MN Hà Lan	1	1	11	3	3	0	8	8	0	3	260	50	0	50	50	210	0	65	210	210	8	8
	Tổng công lập	7	14	118	28	28	0	90	90	0	31	3071	558	0	558	558	2513	0	991	2513	2513	98	82
9	MN Ngọc Trạo	1	1	20	6	6	0	14	14	0	5	740	210	0	210	210	530	0	180	530	530	20	20
10	MN Bè Ngao	1	1	15	4	4	0	11	11	0	3	430	80	0	80	80	350	0	78	350	350	15	15
	Tổng tư thực	2	2	35	10	10		25	25		8	1170	290		290	290	880		258	880	880	35	35

**NGƯỜI LẬP**



Lê Thanh Sơn

Bim Sơn, ngày 22 tháng 2 năm 2019  
**TRƯỞNG PHÒNG**



Phạm Xuân Duy



**THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẮC TIÊU HỌC NĂM HỌC 2018-2019**

TT	Trường Tiểu học	Trình độ đạt chuẩn QG	Điểm trung bình	Tổng số		Trong đó										Lớp ghép	Học 2 buổi/ngày		Học sinh dân tộc	Tuyển mới lớp 1	Số phòng học đang sử dụng			
				TS	TSHS	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5			Số lớp	Số HS			Số HS	Số HS	Số HS	Số HS
						Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS									
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>6</b>	<b>10</b>	<b>148</b>	<b>5509</b>	<b>37</b>	<b>1472</b>	<b>31</b>	<b>1182</b>	<b>24</b>	<b>912</b>	<b>29</b>	<b>1028</b>	<b>27</b>	<b>915</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>64</b>	<b>1472</b>	<b>146</b>	<b>132</b>		
1	TH Bắc Sơn	1	2	19	695	5	203	4	153	3	116	4	121	3	102	0	0	0	28	203	19	19		
2	Liên cấp 1,2 Quang Trung	0	1	11	360	3	101	2	66	2	56	2	79	2	58	0	0	0	5	101	15	8		
3	TH Ngọc Trạo	1	1	23	861	5	227	5	198	4	145	5	162	4	129	0	0	0	9	227	23	18		
4	TH Ba Đình	1	1	34	1417	8	345	7	319	6	245	6	244	7	264	0	0	0	9	345	28	28		
5	TH Lam Sơn 1	1	1	10	316	3	88	2	63	1	49	2	57	2	59	0	0	0	1	88	8	8		
6	TH Lam Sơn 3	1	1	16	604	4	155	3	110	3	115	3	116	3	108	0	0	0	2	155	14	12		
7	TH Đông Sơn	1	1	18	688	4	184	4	151	3	109	4	143	3	101	0	0	0	8	184	17	17		
8	TH Hà Lan	0	1	10	317	3	96	2	63	1	45	2	60	2	53	0	0	0	0	96	10	10		
9	Liên cấp 1,2 Phú Sơn	0	1	7	251	2	73	2	59	1	32	1	46	1	41	0	0	0	2	73	12	12		

**NGƯỜI LẬP**



**Lê Thanh Sơn**

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Phạm Xuân Duy**



**THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẮC THCS NĂM HỌC 2018-2019**

TT	Trường THCS	Trườn g đạt châu QC	Điểm trường	Tổng số lớp	Tổng số HS	Trong đó									số lớp bán trú	số HS bán trú	Số lớp 2 buổi ngày	Học sinh dân tộc	Tuyển mới lớp 6	Số phong học	
						Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp						Số HS	đang sử dụng
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>5</b>	<b>8</b>	<b>79</b>	<b>3098</b>	<b>22</b>	<b>931</b>	<b>20</b>	<b>777</b>	<b>19</b>	<b>704</b>	<b>18</b>	<b>686</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>40</b>	<b>931</b>	<b>90</b>	<b>90</b>	
1	THCS Ngọc Trao	x	1	10	363	3	108	3	97	2	90	2	68	0	0	0	5	108	12	12	
2	THCS Bắc Sơn	0	1	8	317	2	102	2	78	2	72	2	65	0	0	0	25	102	8	8	
3	THCS Ba Đình	x	1	18	730	5	236	5	187	4	150	4	157	0	0	0	3	236	18	18	
4	THCS Lê Quý Đôn	x	1	16	714	4	184	4	184	4	168	4	178	0	0	0	0	184	16	16	
5	THCS Xi Măng	x	1	13	479	4	161	3	111	3	96	3	111	0	0	0	5	161	16	16	
6	THCS Hà Lan	x	1	6	181	2	53	1	46	2	49	1	33	0	0	0	0	53	10	10	
7	Liên cấp 1,2 Quang Trung	0	1	4	163	1	46	1	40	1	38	1	39	0	0	2	46	6	6		
8	Liên cấp 1,2 Phú Sơn	0	1	4	151	1	41	1	34	1	41	1	35	0	0	0	41	4	4		

**NGƯỜI LẬP**

  
**Lê Thanh Sơn**

**TRƯỞNG PHÒNG**

  
**Phạm Xuân Duy**

**TỔNG HỢP KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN BẬC THCS NĂM HỌC 2019-2020**

TT	Trường THCS	Trườn g đạt chuẩn QC	Điểm trườn g	Tổng số lớp	Tổng số HS	Trong đó					số lớp bản trú	số HS bản trú	Số lớp 2 buổi ngày	Học sinh dân tộc	Tuyển mới lớp 6	Số phương học				
						Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9	đang sử dụng						đó: Kế n cố				
	<b>Tổng cộng:</b>	5	8	85	3,387	24	989	22	892	20	774	19	732	0	0	0	38	922	90	90
1	THCS Ngọc Trạo	x	1	11	445	3	140	3	111	3	101	2	93	0	0	4	140	12	12	
2	THCS Bắc Sơn	0	1	10	368	3	110	3	104	2	81	2	73	0	0	24	110	8	8	
3	THCS Ba Đình	x	1	19	814	5	230	5	239	5	190	4	155	0	0	3	230	18	18	
4	THCS Lê Quý Đôn	x	1	16	707	4	170	4	185	4	182	4	170	0	0	0	170	16	16	
5	THCS Xi Măng	x	1	13	506	4	180	3	114	3	100	3	112	0	0	5	180	16	16	
6	THCS Hà Lan	x	1	7	202	2	54	2	53	1	46	2	49	0	0	0	54	10	10	
7	Liên cấp 1,2 Quang Trung	0	1	5	188	2	65	1	45	1	40	1	38	0	0	2	65	6	6	
8	Liên cấp 1,2 Phú Sơn	0	1	4	157	1	40	1	41	1	34	1	42	0	0	0	40	4	4	

**NGƯỜI LẬP**



**Lê Thanh Sơn**

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Phạm Xuân Duy**

**TỔNG HỢP THỰC HIỆN CẤP THPT NĂM HỌC 2018-2019**

TT	Trường THPT	Loại hình	Tổng số		Trong đó						HS dân tộc	Tuyển mới lớp 10
					Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12			
			Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS		
1	THPT Bim Sơn	Công lập	22	929	8	340	7	300	7	289	4	340
2	THPT Lê Hồng Phong	Công lập	19	802	7	305	6	249	6	248	3	305

**Người lập**

  
Lê Thanh Sơn

Ngày *22 tháng 2* năm 2019

**TRƯỞNG PHÒNG**

  
Phạm Xuân Duy

**KẾ HOẠCH CẤP THPT NĂM HỌC 2019-2020**

TT	Trường THPT	Loại hình	Tổng số		Trong đó						HS dân tộc	Tuyển mới lớp 10		
			Số lớp	Số HS	Lớp 10		Lớp 11		Lớp 12					
1	THPT Bim Sơn	Công lập	23	977	8	336	8	341	7	300	6	249	336	294
2	THPT Lê Hồng Phong	Công lập	20	843	7	294	7	300	6	249				294

Người lập

Lê Thanh Sơn

Ngày 22 tháng 6 năm 2019

**TRƯỞNG PHÒNG**

Phạm Xuân Duy